

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TH&THCS VIỆT DÂN
KHỐI TIỂU HỌC

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2022-2023

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	10/10	2 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	10	-
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ, mượn	0	-
III	Số điểm trường lẻ	0	-
IV	Tổng diện tích đất (m²)	2720.9	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	1270.5	
VI	Tổng diện tích các phòng	675 m²	
1	Diện tích phòng học (m ²)	450m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	50m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	45m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	45m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	45m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	30m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	0	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	20m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	10 bộ	Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	10 bộ	1bộ/lớp

Biểu mẫu 07

1.1	Khối lớp 1	2 bộ	1bộ/lớp
1.2	Khối lớp 2	2 bộ	1bộ/lớp
1.3	Khối lớp 3	2 bộ	1bộ/lớp
1.4	Khối lớp 4	2 bộ	1bộ/lớp
1.5	Khối lớp 5	2 bộ	1bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
2.1	Khối lớp 1		
2.2	Khối lớp 2		
2.3	Khối lớp 3		
2.4	Khối lớp 4		
2.5	Khối lớp 5		
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	25 bộ	Số học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	27	Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	1	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	8	
5	Thiết bị khác...	15	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	0

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	--	--------	-------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	2		2		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Việt Dân, ngày 20 tháng 7 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Ngô Thị Nguyệt